**THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH TÊN GỌI, MỨC TẶNG QUÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG TẠI PHỤ LỤC 02 DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT THEO GÓP Ý CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH TẠI VĂN BẢN SỐ 3079/VP-HCQT NGÀY 06/11/2020**

| **STT** | **Nội dung Sở Tài chính biên tập** | | **VP UBND tỉnh góp ý tại VB số 3079/VP-HCQT ngày 06/11/2020** | | **Sở Tài chính tiếp thu** | | **Thuyết minh** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đối tượng** | **Mức hỗ trợ, mức quà tặng (đồng/đối tượng)** | **Đối tượng** | **Mức hỗ trợ, mức quà tặng (đồng/đối tượng)** | **Đối tượng** | **Mức hỗ trợ, mức quà tặng(đồng/đối tượng)** |
| **I** | **Một số đối tượng đặc thù** |  |  |  |  |  |  |
| 01 | Hỗ trợ thăm hỏi, động viên, biểu dương đối với hộ dân tộc thiểu số tiêu biểu nhân dịp Tết Nguyên đán | 500.000 |  |  |  |  |  |
| 02 | Hỗ trợ hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập đón Tết Nguyên đán hàng năm | 600.000 |  |  |  |  |  |
| 03 | Hỗ trợ hộ nghèo theo tiêu chí thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản và hộ cận nghèo đón Tết Nguyên đán hàng năm | 300.000 |  |  |  |  |  |
| 04 | Tặng quà cho người có công tiêu biểu nhân dịp ngày Thương binh liệt sĩ (ngày 27 tháng 7 dương lịch, Tết Nguyên đán hàng năm | 500.000 |  |  |  |  |  |
| **II** | **Đơn vị, địa phương** |  |  |  |  |  |  |
| 01 | Hỗ trợ thôn làng đón Tết Nguyên đán (*Tổ chức ngày hội bánh chưng xanh*) | 3.000.000 | Hỗ trợ thôn làng đón Tết Nguyên đán (*Tổ chức ngày hội bánh chưng xanh*) | 3.000.000 | Hỗ trợ thôn làng đón Tết Nguyên đán (*Tổ chức ngày hội bánh chưng xanh*) | 3.000.000 |  |
| 02 | Thăm các xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định của cấp thẩm quyền | 11.000.000 | Các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III), xã biên giới và xã ATK theo quyết định của cấp có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Kon Tum | 11.000.000 | Các xã đặc biệt khó khăn (khu vực III), xã biên giới và xã ATK theo quyết định của cấp có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Kon Tum | 11.000.000 | Tiếp thu |
| 03 | Đồn Biên phòng; Tiểu đoàn huấn luyện; Đại đội cơ động | 16.000.000 | Các đồn Biên phòng, Tiểu đoàn huấn luyện (trong đó có Đại đội cơ động thuộc) thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đứng chân trên địa bàn các huyện | 16.000.000 | Các đồn Biên phòng, Tiểu đoàn huấn luyện (trong đó có Đại đội cơ động thuộc) thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đứng chân trên địa bàn các huyện | 16.000.000 | Tiếp thu |
| 04 | Đại đội: 186, 187, 188, 189; Đại đội công binh; Trạm điệp báo; Tiểu đoàn 304; Đại đội 990; Cụm 899 | 11.000.000 | Đại đội: 186, 187, 188, 189; Đại đội công binh; Trạm điệp báo; Tiểu đoàn 304; Trung đoàn 990; Cụm 899 | 11.000.000 | Đại đội: 186, 187, 188, 189; Đại đội công binh; Trạm điệp báo; Tiểu đoàn 304; Trung đoàn 990; Cụm 899 | 11.000.000 | Tiếp thu |
| 05 | Công ty 732; Công ty 78; Công ty 716 | 3.000.000 | Các Công ty trực thuộc Binh đoàn 15 đứng chân trên địa bàn tỉnh Kon Tum | 2.000.000 | Các Công ty trực thuộc Binh đoàn 15 đứng chân trên địa bàn tỉnh Kon Tum | 2.000.000 | Tiếp thu |
| 06 | Các tiểu đội dân quân thường trực xã biên giới | 1.000.000 | Các tiểu đội dân quân thường trực xã biên giới | 3.000.000 | Các tiểu đội dân quân thường trực xã biên giới | 3.000.000 | Tiếp thu |
| 07 | Các đơn vị quản lý bảo vệ rừng (*theo Kế hoạch thăm, chúc Tết của cấp thẩm quyền*) | 2.000.000 | Một số đơn vị quản lý, bảo vệ rừng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 3.000.000 | Các đơn vị quản lý bảo vệ rừng (*theo Kế hoạch thăm, chúc Tết của cấp thẩm quyền*) | 3.000.000 | Đề nghị giữ nguyên như biên tập của Sở Tài chính để đảm bảo bao quát tất cả đối tượng có tính chất tương đồng |
| 08 | Các Chốt trạm liên ngành (*theo Kế hoạch thăm, chúc Tết của cấp thẩm quyền*) | 3.000.000 | Một số chốt trạm liên ngành | 3.000.000 | Các Chốt trạm liên ngành (*theo Kế hoạch thăm, chúc Tết của cấp thẩm quyền*) | 3.000.000 | Đề nghị giữ nguyên như biên tập của Sở Tài chính để đảm bảo bao quát tất cả đối tượng có tính chất tương đồng |
| 09 | Sư Đoàn 10 | 2.000.000 | Sư Đoàn 10 | 2.000.000 | Sư Đoàn 10 | 2.000.000 |  |
| 10 | Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Kon Tum, Tòa Giám mục, Ban cai quản họ đạo Kon Tum, Ban cai quản họ đạo thánh thất cao đài Tây Ninh; Đạo Tin lành (Ban trị sự hệ phái Tin lành truyền giáo cơ đốc Việt Nam) | 2.000.000 | Một số tổ chức tôn giáo | 2.000.000 | Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Kon Tum, Tòa Giám mục, Ban cai quản họ đạo Kon Tum, Ban cai quản họ đạo thánh thất cao đài Tây Ninh; Đạo Tin lành (Ban trị sự hệ phái Tin lành truyền giáo cơ đốc Việt Nam) | 2.000.000 | Đây là các tổ chức  đặc thù nên đề nghị giữ nguyên như biên tập của Sở Tài chính để đảm bảo chi tiết, đầy đủ các tổ chức |
| 11 | Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh (cơ sở I và cơ sở II); Các Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập được cấp tỉnh cấp phép hoạt động (*theo Kế hoạch thăm, chúc Tết của cấp thẩm quyền*) | 6.000.000 | Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh; Các Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập được cấp tỉnh cấp phép hoạt động | 6.000.000 | Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh (cơ sở I và cơ sở II); Các Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập được cấp tỉnh cấp phép hoạt động (*theo Kế hoạch thăm, chúc Tết của cấp thẩm quyền*) | 6.000.000 | Đề nghị giữ nguyên như biên tập của Sở Tài chính để đảm bảo bao quát tất cả đối tượng có tính chất tương đồng |
| 12 | Các đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (*theo Kế hoạch thăm, chúc Tết của cấp thẩm quyền*) | 3.000.000 | Một số đơn vị trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đứng chân trên địa bàn thành phố Kon Tum | 3.000.000 | Các đơn vị thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đứng chân trên địa bàn thành phố Kon Tum (*theo Kế hoạch thăm, chúc Tết của cấp thẩm quyền*) | 3.000.000 | Đã tiếp thu theo hướng kết hợp ý kiến góp ý của VP UBND tỉnh với ý kiến Sở Tài chính |
| 13 | Các đơn vị khối ngành Công an (*theo Kế hoạch thăm, chúc Tết của cấp thẩm quyền*) | 2.000.000 | Một số đơn vị thuộc Công an tỉnh | 3.000.000 | Các đơn vị khối ngành Công an (*theo Kế hoạch thăm, chúc Tết của cấp thẩm quyền*) | 3.000.000 | Đề nghị giữ nguyên như biên tập của Sở Tài chính để đảm bảo bao quát tất cả đối tượng có tính chất tương đồng |
| 14 | Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Trung tâm Văn hóa nghệ thuật; Trại phong Đắk Kia | 2.000.000 | Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Trung tâm Văn hóa nghệ thuật; Trại phong Đắk Kia; Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh | 3.000.000 | Trung tâm Phục vụ Hành chính công; Trung tâm Văn hóa nghệ thuật; Trại phong Đắk Kia; Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh | 3.000.000 | Tiếp thu |
| 15 | Công ty điện lực | 2.000.000 | Công ty điện lực; Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh dịch vụ công ích, Bệnh viện tư nhân | 2.000.000 | Công ty điện lực; Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh dịch vụ công ích, Bệnh viện tư nhân | 2.000.000 | Tiếp thu |
| 16 | Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh;  Bệnh viện đa khoa tỉnh;  Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi | 2.000.000  2.000.000  12.000.000 | Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh; Bệnh viện đa khoa tỉnh; Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi | 6.000.000 | Bệnh viện Y dược cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh; Bệnh viện đa khoa tỉnh; Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi | 6.000.000 | Tiếp thu |
| 17 | Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Kon Tum; Đài Phát thanh và Truyền hình Kon Tum | 12.000.000 | Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Kon Tum; Đài Phát thanh và Truyền hình Kon Tum | 12.000.000 | Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Kon Tum; Đài Phát thanh và Truyền hình Kon Tum | 12.000.000 |  |
| 18 | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Môi trường đô thị Kon Tum | 20.000.000 | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Môi trường đô thị Kon Tum | 22.000.000 | Công ty Trách nhiệm hữu hạn Môi trường đô thị Kon Tum | 22.000.000 | Tiếp thu |